

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 127/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 9 – 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nguyên – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 685/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/01/1991, CCCD số 0.....9 cấp ngày 13/8/2021. Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Nay là xã L, tỉnh Cà Mau (có mặt).

* **Bị đơn:** Ông Lê Văn Mộn, sinh năm: 1991, CMND số 3...2. Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là phường L, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/8/2025, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn M chung sống vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 15/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, do ông M thiếu quan tâm vợ con, trong cuộc sống hôn nhân ông M không chung thủy, bà và ông M đã ly thân từ tháng 01/2025, không còn chung sống vợ chồng, nay tình cảm không còn. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn M.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Gia P, sinh ngày 06/10/2019, đang sống cùng bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa, ông Lê Văn M trình bày:* Thời gian đăng ký kết hôn đúng như bà T trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng không lớn, việc ông có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác cách nay đã lâu trước khi có con chung nhưng đã hàn gắn với bà T và tiếp tục chung sống, ông còn tình cảm với bà T nên yêu cầu hàn gắn mối quan hệ hôn nhân, không đồng ý ly hôn. Về con chung có 01 người con chung tên Lê Gia P sinh ngày 06/10/2019, đang sống cùng bà T. Trường hợp phải ly hôn, ông M yêu cầu được trực tiếp nuôi con để níu kéo mối quan hệ hôn nhân với bà T. Quá trình chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn M kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau nay là Phường L, tỉnh Cà Mau. Bà T yêu cầu ly hôn với ông M. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Lê Văn M, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập ông M đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M vắng mặt không rõ lý do, bà T yêu cầu không tiếp tục hòa giải. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại các Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông M không chung thủy, không hỗ trợ kinh tế cho bà nuôi con, xảy ra mâu thuẫn. Ông M không đồng ý ly hôn nhưng không có hướng khắc phục mâu thuẫn, trong quá trình chung sống ông M thừa nhận từng có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Xét thấy, thực tế hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn và xác định không còn tình cảm với ông M, nên dù có hàn gắn mối quan hệ vợ chồng thì mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được nên chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông M.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Gia P, sinh ngày 06/10/2019. Khi ly hôn bà T và ông M đều yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Ông M thừa nhận mục đích mong muốn nuôi con là níu kéo mối quan hệ hôn nhân với bà T, không phải vì để chăm sóc con chung tốt hơn bà T hay vì sự phát triển của con chung. Trong khi con chung từ trước đến nay đều sống cùng bà T do bà T chăm sóc, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung cần tiếp tục giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, bà T và ông M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông M thống xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung. Đến nay không có cá nhân tổ chức nào yêu cầu trách nhiệm trả nợ của bà T và ông M. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 207, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Văn M.

Về con chung: Tiếp tục giao con Lê Gia P, sinh ngày 06/10/2019 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về Tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), bà Nguyễn Thị T phải nộp. Ngày 06/8/2025 bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo lai thu số 0011883 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- UBND phường L, T.Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu